

Số: /KH- UBND

Tân Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Chuyển đổi số xã Tân Lập năm 2024**

Thực hiện Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về Chuyển đổi số huyện Chợ Đồn năm 2024.

Ủy ban nhân dân xã Tân Lập xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2024, cụ thể như sau:

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 2.0;

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Nghị quyết số 428-NQ/BCSD ngày 22/9/2022 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh Bắc Kạn về thúc đẩy hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính

phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025;

Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn, phiên bản 2.0;

Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 07/8/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Đề án đảm bảo hạ tầng ngành thông tin và truyền thông tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025;

Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 14/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 -2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn về việc triển khai Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Chợ Đồn;

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung:**

Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng dùng chung (*bao gồm: Hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng, phần mềm dùng chung, an toàn thông tin*) để đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu của các đơn vị và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với huyện, tỉnh và các Bộ ngành Trung ương.

Phát triển dữ liệu số, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; chuyển đổi nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và từng bước hình thành công dân số, xã hội số gắn với công tác đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số.

Tập trung ưu tiên các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ người dân, doanh nghiệp; phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến; hoạt động cải cách hành chính; hạ tầng dùng chung, an toàn thông tin và Đề án 06 (*Quyết định số 06/QĐ- TTg này 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*) trên địa bàn; các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của các ngành, lĩnh vực.

**2.Mục tiêu cụ thể:** Theo Phụ lục 01 của Kế hoạch này.

## **III.NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

## **1. Chuyển đổi số trong nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:**

Cấp ủy, chính quyền cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh, huyện, về chuyển đổi số. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong triển khai hoạt động chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã; lấy kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số làm tiêu chí để đánh giá xếp loại công chức, viên chức và bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số để tiếp tục nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác, chất lượng đời sống nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong triển khai thực hiện; chú trọng việc chia sẻ các cách làm hay trong chuyển đổi số để áp dụng khi phù hợp; phát hiện, tôn vinh, phổ biến các câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số hay.

Thúc đẩy các hoạt động tham gia, tập huấn, học tập nghiêm túc trên nền tảng học trực tuyến đại trà để nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp.

## **2. Thể chế, chính sách:**

Tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành tạo hành lang pháp lý thuận lợi để phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước.

Nghiên cứu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông đồng hành cùng chính quyền trong công cuộc chuyển đổi số; huy động nguồn lực doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số CNTT trên địa bàn xã phát triển.

## **2. Hoàn thiện đảm bảo hạ tầng số:**

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước: trang thiết bị CNTT; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao để sẵn sàng kết nối mạng diện rộng (WAN) của tỉnh; duy trì, nâng cấp hệ thống truyền hình trực tuyến các cấp đảm bảo phục vụ tốt cho công tác họp trực tuyến.

Tiếp tục vận động, triển khai chương trình phổ cập điện thoại thông minh cho người dân để tiến tới mục tiêu: Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng.

Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông nghiên cứu, triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng đường truyền, dịch vụ mạng; từng bước phủ sóng, giảm tình trạng lổm sổng, sóng không ổn định nhất là tại khu vực vùng sâu, vùng xa.

## **4. Đảm bảo an toàn thông tin mạng**

Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt.

Duy trì và đảm bảo các trang/cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng.

### **5. Chính quyền số:**

Nâng cao hiệu quả dịch vụ công trực tuyến: đánh giá và mở rộng các mô hình giải quyết TTHC không giấy tờ, không thanh toán tiền mặt.

Tiếp tục thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính cho tổ chức và công dân trên địa bàn xã.

### **6. Kinh tế số:**

Thúc đẩy, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia hoạt động trên địa bàn; việc mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở theo quy định cho các doanh nghiệp có nhu cầu được khai thác, sử dụng.

Thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên theo Quyết định số 676/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Tiếp tục triển khai các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng dẫn của các Sở ngành tỉnh, huyện.

### **7. Xã hội số:**

Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, đoàn thanh niên trong tuyên truyền, hỗ trợ người dân sử dụng các ứng dụng số cơ bản, thiết thực hiện nay như: Thúc đẩy người dân thiết lập tài khoản VneID, đặc biệt là định danh điện tử mức độ 2; cài đặt tài khoản DVCTT và tài khoản thanh toán trực tuyến...

Tiếp tục phối hợp với các đoàn thể triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao kỹ năng số cho người dân.

Tiếp tục thu hút sự tham gia đồng bộ của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, ngân hàng vào các hoạt động triển khai các ứng dụng số thiết thực, phù hợp cho người dân.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số xã Tân Lập năm 2024 chi từ nguồn kinh phí ngân sách địa phương và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số xã:**

Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số xã chịu trách nhiệm trước UBND xã, trong việc tham mưu, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch; nghiên cứu, đề xuất với UBND xã về chủ trương, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của xã hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch và hoạt động chuyển đổi số của xã. Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành, phục vụ đời sống kinh tế - xã hội, đảm bảo mục tiêu tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng; triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành như quản lý thông tin nhân khẩu, hộ gia đình trên địa bàn, quản lý các chính sách an sinh xã hội, xây dựng kênh trao đổi, tương tác trực tuyến giữa chính quyền cấp xã và Nhân dân, bản tin điện tử của UBND xã

qua ứng dụng trên điện thoại thông minh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và cán bộ cấp xã về chính quyền số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

## **2. Văn phòng UBND xã:**

Chủ động phối hợp, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC, trong đó tập trung vào việc đơn giản hoá TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm. Đảm bảo nội dung về hiện đại hóa hành chính và các hoạt động cải cách hành chính của xã.

Tiếp tục tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 635/KH-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về phát động phong trào thi đua “Bắc Kạn đẩy mạnh chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025” nhằm kịp thời tuyên dương, động viên các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác chuyển đổi số.

## **3. Tài chính - Kế toán:**

Tham mưu cân đối bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng ngân sách của xã.

## **4. Công an xã:**

Thực hiện việc quản lý, vận hành, cập nhật hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (*Đề án 06*) theo quy định; đảm bảo hoạt động an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình kết nối các Hệ thống với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Cấp căn cước công dân, hướng dẫn đăng ký, sử dụng ứng dụng định danh và xác thực điện tử và các nhiệm vụ thuộc *Đề án 06* của Chính phủ.

## **5. Cán bộ, công chức tại bộ phận một cửa xã.**

Chủ động, tham mưu đề xuất cho UBND, Chủ tịch UBND xã triển khai thực hiện, giải quyết các thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực, mức độ gắn với nhiệm vụ được giao. Hướng dẫn, tuyên truyền công dân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến để đảm bảo tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt theo chỉ tiêu kế hoạch.

## **6. Văn hóa thông tin:**

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, và người dân về các nội dung và kết quả triển khai chuyển đổi số theo chương trình của Trung tâm văn hóa thông tin truyền thông huyện và Sở thông tin truyền thông tỉnh.

Xây dựng tin, bài tuyên truyền về công tác chuyển đổi số của xã trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và nhiệm vụ chuyển đổi số với

cải cách hành chính.

### **7. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các đoàn thể:**

Phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ đoàn viên/hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức, kỹ năng số và khai thác các ứng dụng số phù hợp, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

Đề nghị Đoàn xã quan tâm phối hợp thúc đẩy triển khai các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ chuyển đổi số; phát huy hiệu quả vai trò của lực lượng đoàn viên thanh niên nòng cốt đã tập huấn năm 2023.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số xã Tân Lập năm 2024 của UBND xã Tân Lập.

***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- Phòng Văn hóa và thông tin huyện;
- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- LĐ UBND xã;
- UBMTTQVN xã và các ban ngành đoàn thể;
- Cán bộ, công chức xã;

*Gửi bản giấy:*

- 8/8 thôn;
- Cán bộ đài truyền thanh xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lành Văn Hiệu**

Phụ lục 01:  
**CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ TÂN LẬP NĂM 2024**  
*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /02/2024 của UBND xã Tân Lập)*

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính quyền số	Chỉ tiêu	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Chính quyền số</b>		
1.1	Tỷ lệ cung cấp DVCTT được cung cấp thành DVCTT toàn trình	$\geq 75\%$	Số lượng DVCTT toàn trình/Tổng số DVCTT
1.2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	80%	Số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT phát sinh hồ sơ
1.3	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	80%	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT
	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	80%	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT

1.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	10%	Số lượng DVCTT được thiết kế, thiết kế lại/Số lượng DVCTT
1.5	Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	100%	Số lượng hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hoá trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử
1.6	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật ( <i>cấp tỉnh, huyện, xã</i> )	90%	Số lượng văn bản gửi đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng/Tổng số văn bản đi của đơn vị ( <i>trừ văn bản mật</i> )
1.7	Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm điều hành thông minh	100%	
1.8	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	80%	Số lượng cán bộ, công chức UBND xã được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản/Tổng số cán bộ, công chức UBND cấp xã
1.9	Tỷ lệ cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến	80%	



STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính quyền số	Chỉ tiêu	Ghi chú
<b>2</b>	<b>Xã hội số</b>		
2.1	Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang tại các hộ gia đình	76%	Số hộ gia đình sử dụng mạng băng rộng cáp quang/Tổng số hộ gia đình trên địa bàn
2.2	Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh	85%	Tỷ lệ người dùng smartphone/người dùng điện thoại di động
2.3	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử	60%	
2.4	Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân	98%	
2.5	Tỷ lệ trạm y tế triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	20%	
2.6	Tỷ lệ học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân	90%	
<b>3</b>	<b>Đảm bảo An toàn thông tin mạng</b>		
3.1	Tỷ lệ các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng	100%	
3.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%	

